

Số: 06/2023/NQ-HĐND

Bến Tre, ngày 05 tháng 7 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách Nhà nước
tỉnh Bến Tre năm 2023**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 9**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính
phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Xét Tờ trình số 3296/TTr-UBND ngày 06 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về việc thông qua Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư
công nguồn vốn ngân sách Nhà nước tỉnh Bến Tre năm 2023; Báo cáo thẩm tra
của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu
Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết về phân bổ chi tiết danh mục và kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách Nhà nước tỉnh Bến Tre năm 2023 đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 30/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2022 về phân bổ chi tiết danh mục và kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách nhà nước tỉnh Bến Tre năm 2023, với những nội dung cụ thể như sau:

1. Nguyên tắc điều chỉnh, bổ sung

a) Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 30/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phân bổ chi tiết danh mục và kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách Nhà nước tỉnh Bến Tre năm 2023, nhưng có

điều chỉnh, bổ sung một số nội dung của các dự án cho phù hợp với tình hình triển khai thực tế.

b) Việc điều chỉnh tăng, giảm mức vốn phân bổ cho từng dự án không làm thay đổi tổng các nguồn vốn đã được phân bổ.

2. Nội dung điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư nguồn vốn ngân sách Nhà nước tỉnh Bến Tre năm 2023 được chi tiết tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết, bao gồm:

a) Điều chỉnh trong phạm vi Nghị quyết số 30/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phân bổ chi tiết danh mục và kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách Nhà nước tỉnh Bến Tre năm 2023.

- Điều chỉnh tên 01 dự án cho phù hợp với các quyết định chủ trương và quyết định đầu tư;

- Điều chỉnh, bổ sung đối với nguồn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: bổ sung danh mục của 01 dự án; điều chỉnh giảm kế hoạch vốn của 01 dự án để bổ sung vốn hỗ trợ thực hiện mô hình thí điểm thuộc Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP), với tổng số vốn điều chỉnh là 18.680 triệu đồng; trong đó, tăng/giảm là 3.870 triệu đồng;

- Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức quy định tại Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ, quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021-2025: bổ sung danh mục của 05 dự án chuẩn bị đầu tư; điều chỉnh giảm kế hoạch vốn của 04 dự án (trong đó có 03 công trình thực hiện dự án, 01 công trình chuẩn bị đầu tư) do chưa có khối lượng thanh toán; bổ sung tăng kế hoạch vốn cho 06 dự án (trong đó có 01 công trình thực hiện dự án, 05 công trình chuẩn bị đầu tư), với tổng số vốn điều chỉnh là 37.370 triệu đồng; trong đó, tăng/giảm là 10.970 triệu đồng;

- Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn từ nguồn thu xổ số kiến thiết năm 2023: bổ sung danh mục của 05 dự án; điều chỉnh giảm kế hoạch vốn của 10 dự án; bổ sung tăng kế hoạch vốn cho 07 dự án, với tổng số vốn điều chỉnh là 243.767 triệu đồng; trong đó, tăng/giảm là 70.101 triệu đồng.

b) Bổ sung danh mục và kế hoạch vốn từ nguồn tăng thu cân đối ngân sách địa phương năm 2022 chuyển sang.

Bổ sung danh mục và kế hoạch vốn từ nguồn tăng thu cân đối ngân sách địa phương năm 2022 cho 01 dự án với tổng số vốn là 17.764 triệu đồng.

c) Bổ sung danh mục và kế hoạch vốn nguồn tăng thu Xổ số kiến thiết các năm trước chuyển sang năm 2023.

Bổ sung danh mục 06 dự án, bổ sung kế hoạch vốn từ nguồn tăng thu số kiến thiết các năm trước chuyển sang năm 2023 cho 11 dự án với tổng số vốn là 71.322 triệu đồng.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức, triển khai thực hiện Nghị quyết.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre khóa X, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 05 tháng 7 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 15 tháng 7 năm 2023./.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp (kiểm tra);
- Kiểm toán nhà nước KV IX;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh Bến Tre;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tư pháp, KBNN tỉnh, Thanh tra tỉnh;
- Văn phòng: Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Báo Đồng Khởi, Đài PT-TH tỉnh;
- Trang TTĐT ĐBND tỉnh Bến Tre, Trung tâm TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



(Handwritten signature in blue ink)

Huỳnh Quang Triệu




Phụ lục

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUYÊN VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TỈNH BẾN TRE NĂM 2023

(Kèm theo Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 15/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre)

ĐVT: Triệu đồng

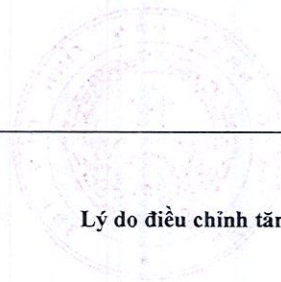
STT	Tên dự án, công trình	Kế hoạch năm 2023	Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch năm 2023			Lý do điều chỉnh tăng (giảm)
			Tổng cộng	Trong đó		
				Điều chỉnh tăng vốn	Điều chỉnh giảm vốn	
<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>
	TỔNG CỘNG	369.817	458.903	174.027	84.941	
A	Điều chỉnh trong phạm vi Nghị quyết số 30/2022/NQ-HĐND	299.817	299.817	84.941	84.941	
I	Điều chỉnh tên dự án					
<i>1</i>	Đền bù giải phóng mặt bằng để đầu tư xây dựng công trình Ban CHQS huyện Giồng Trôm/ Bộ CHQS tỉnh Bến Tre/Quân khu 9 (Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư)					Điều chỉnh tên dự án trong Biểu tổng hợp: Xây dựng các hạng mục thuộc Bộ CHQS tỉnh Bến Tre/Quân khu 9 (Doanh trại Ban CHQS huyện Giồng Trôm) - Giải phóng mặt bằng thành Đền bù giải phóng mặt bằng để đầu tư xây dựng công trình Ban CHQS huyện Giồng Trôm/ Bộ CHQS tỉnh Bến Tre/Quân khu 9 (Tiểu dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư) cho phù hợp với các Quyết định chủ trương/dự án đầu tư
II	Bổ sung danh mục và điều chỉnh kế hoạch vốn Ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	18.680	18.680	3.870	3.870	
<i>1</i>	Đường ĐX.03 liên xã Phú Vang - Lộc Thuận - Định Trung (đoạn từ Cầu Treo đến sông Cà Cao), xã Lộc Thuận	18.680	14.810		3.870	Giảm vốn cho phù hợp tiến độ công trình
<i>2</i>	Hỗ trợ thực hiện mô hình thí điểm thuộc Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)		3.870	3.870		Bổ sung danh mục, bổ sung vốn cho phù hợp theo hướng dẫn của BNN & PTNT tại công văn số 1486/BNN-VPĐP ngày 13/3/2022



STT	Tên dự án, công trình	Kế hoạch năm 2023	Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch năm 2023			Lý do điều chỉnh tăng (giảm)
			Tổng cộng	Trong đó		
				Điều chỉnh tăng vốn	Điều chỉnh giảm vốn	
1	2	3	4	5	6	7
	Xây dựng cơ sở hạ tầng thực hiện Mô hình phát triển du lịch nông thôn theo hướng du lịch xanh gắn với nâng cao vai trò tổ chức và quản lý cộng đồng tại xã Tân Mỹ, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre		3.870	3.870		Bổ trí vốn chuẩn bị đầu tư
III	Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn nguồn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức quy định tại quyết định số 26/2020/QĐ-TTg	37.370	37.370	10.970	10.970	
III.1	Thực hiện dự án	37.270	36.870	10.520	10.920	
1	Đầu tư CSHT phục vụ kêu gọi đầu tư huyện Châu Thành tỉnh Bến Tre (giai đoạn 2)	18.270	8.270		10.000	
2	Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng Cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp Phong Năm	5.000	15.520	10.520		Bổ sung vốn để thực hiện dự án
3	Khu hành chính xã Phước Ngãi	7.000	6.670		330	Dự án hoàn thành, hết nhu cầu vốn
4	Khu hành chính xã Tân Xuân	7.000	6.410		590	Dự án hoàn thành, hết nhu cầu vốn
III.2	Chuẩn bị đầu tư	100	500	450	50	
1	Khu di tích lịch sử - văn hóa, cách mạng Bung Lạc Địa	100	50		50	
2	Đầu tư cơ sở hạ tầng Cụm Công nghiệp thị trấn Ba Tri - An Đức, huyện Ba Tri (giai đoạn 3)		100	100		

STT	Tên dự án, công trình	Kế hoạch năm 2023	Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch năm 2023			Lý do điều chỉnh tăng (giảm)
			Tổng cộng	Trong đó		
				Điều chỉnh tăng vốn	Điều chỉnh giảm vốn	
1	2	3	4	5	6	7
3	Dự án Mộ và khu lưu niệm Nguyễn Đình Chiểu (Danh nhân văn hóa được UNESCO ghi danh năm 2021)		50	50		
4	Xây dựng Cầu Ba Lai 8 trên tuyến đường bộ ven biển tỉnh Bến Tre		100	100		
5	Xây dựng Cầu Ba Lai 6 trên tuyến đường Bắc Nam (ĐTĐK.08)		100	100		
6	Nâng cấp thảm bê tông nhựa mặt đường ĐH.173		100	100		
IV	Điều chỉnh, bổ sung danh mục và kế hoạch vốn Xổ số kiến thiết	243.767	243.767	70.101	70.101	
	Thực hiện dự án	243.767	243.767	70.101	70.101	
1	Xây dựng CSHT Khu Tái định cư Khu Công nghiệp Phú Thuận	52.500	7.500		45.000	Giảm vốn cho phù hợp với tiến độ thực hiện dự án
2	Đầu tư xây dựng CSHT Khu Công nghiệp Phú Thuận	80.600	110.600	30.000		Bổ sung vốn giải phóng mặt bằng và thực hiện dự án
3	Nâng cấp, chuyển chất liệu Tượng đài Đồng Khởi Bến Tre	5.000	13.813	8.813		Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng hoàn thành
4	Dự án cấp nước sinh hoạt cho dân cư khu vực Cù Lao Minh trong điều kiện biến đổi khí hậu và nước biển dâng	15.600	9.600		6.000	Giảm vốn do dự án hoàn thành
5	Dự án chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững Đồng bằng Sông Cửu Long (MD-ICRSL), WB9		6.000	6.000		Bổ sung vốn đối ứng dự án ODA

STT	Tên dự án, công trình	Kế hoạch năm 2023	Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch năm 2023			Lý do điều chỉnh tăng (giảm)
			Tổng cộng	Trong đó		
				Điều chỉnh tăng vốn	Điều chỉnh giảm vốn	
1	2	3	4	5	6	7
6	Đường huyện 04, huyện Châu Thành	31.400	27.702		3.698	Dự án hoàn thành, hết nhu cầu vốn
7	Đường vào Khu tưởng niệm liệt sĩ Trần Văn Ôn (đoạn từ QL60 đến bến đò An Hóa)	5.000	1.900		3.100	Dự án hoàn thành, hết nhu cầu vốn
8	Lộ Tân Bắc (ĐH.DK.19)	20.000	44.737	24.737		Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng hoàn thành
9	Vốn Xổ số kiến thiết hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới					
-	Đường từ Bàu Chí đến Bàu Bụng (ĐC.04), xã Tân Thiềng	167	51		116	Dự án hoàn thành, hết nhu cầu vốn
-	Đường từ Dự án 18 đến Đồng Lớn (ĐA.13), xã Tân Thiềng	800	565		235	Dự án hoàn thành, hết nhu cầu vốn
-	Đường từ Bàu Gốc đến Tư Cù Lự (ĐC.17), xã Phú Phụng		50	50		Bổ sung danh mục và bổ sung vốn để thanh toán khối lượng hoàn thành
-	Đường từ Bàu Ô đến Hai Mạng (ĐC.11), xã Phú Phụng		20	20		Bổ sung danh mục và bổ sung vốn để thanh toán khối lượng hoàn thành
-	Xây dựng trụ sở Ủy ban nhân dân xã Tân Phong, huyện Thạnh Phú	6.100	5.900		200	Dự án hoàn thành, hết nhu cầu vốn
-	Xây dựng Trụ sở Ủy ban nhân dân xã Bình Thạnh		481	481		Bổ sung danh mục và bổ sung vốn để triển khai thực hiện dự án



STT	Tên dự án, công trình	Kế hoạch năm 2023	Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch năm 2023			Lý do điều chỉnh tăng (giảm)
			Tổng cộng	Trong đó		
				Điều chỉnh tăng vốn	Điều chỉnh giảm vốn	
1	2	3	4	5	6	7
10	Hỗ trợ đầu tư CSVN, Mua sắm trang thiết bị dạy học thuộc Kế hoạch số 1658/KH-UBND ngày 10/4/2019 về Chương trình sách Giáo khoa giáo dục phổ thông mới từ năm học 2020-2021 đến năm học 2024-2025					
	Huyện Mỏ Cày Nam					
	<i>Trường MG Cẩm Sơn huyện Mỏ Cày Nam</i>	4.200	82		4.118	<i>Dự án hoàn thành, hết nhu cầu vốn</i>
	<i>Trường TH Bình Khánh Đông huyện Mỏ Cày Nam</i>	1.400	766		634	<i>Dự án hoàn thành, hết nhu cầu vốn</i>
	<i>Trường MG Tân Hội huyện Mỏ Cày Nam</i>	21.000	14.000		7.000	<i>Giảm vốn cho phù hợp với tiến độ thực hiện dự án</i>
B	Bổ sung danh mục và kế hoạch vốn từ nguồn tăng thu cân đối ngân sách địa phương năm 2022		17.764		17.764	
1	Đầu tư xây dựng CSHT Khu Công nghiệp Phú Thuận		17.764		17.764	Bổ sung vốn giải phóng mặt bằng và thực hiện dự án
C	Bổ sung danh mục và kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang năm 2023	70.000	141.322		71.322	Bổ sung kế hoạch vốn nguồn tăng thu XSKT các năm trước chuyển sang là 71.322 triệu đồng
1	Chi trả nợ gốc cho các khoản vay lại của chính quyền địa phương vay					
	<i>Dự án chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững Đồng bằng Sông Cửu Long (MD-ICRSL), WB9</i>	4.000	15.000		11.000	
	<i>Dự án tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai thực hiện tại tỉnh Bến Tre</i>	100	500		400	
	<i>Dự án mở rộng nâng cấp đô thị Việt Nam - Tiểu dự án thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre</i>	2.500	7.600		5.100	

STT	Tên dự án, công trình	Kế hoạch năm 2023	Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch năm 2023			Lý do điều chỉnh tăng (giảm)
			Tổng cộng	Trong đó		
				Điều chỉnh tăng vốn	Điều chỉnh giảm vốn	
1	2	3	4	5	6	7
2	Bổ trí vốn kế hoạch để tất toán, quyết toán, thanh toán nợ khối lượng các công trình hoàn thành					
	<i>Đầu tư thiết bị phim trường thời sự, văn nghệ chuẩn HD</i>		100	100		
	<i>Hệ thống công kiểm soát mặn tại các huyện Ba Tri, Mỏ cày Nam và Chợ Lách</i>		400	400		
	<i>Nâng cấp, sửa chữa Bệnh viện đa khoa khu vực Cù Lao Minh</i>		86	86		
	<i>Trường Tiểu học Phong Điền</i>		15	15		
	<i>Mua sắm thiết bị dạy học dùng chung cho các trường Tiểu học trên địa bàn tỉnh</i>		59	59		
	<i>HM cầu, cống, cọc tiêu, biển báo trên đường ĐX.02, xã An Khánh, huyện Châu Thành</i>		6	6		
	<i>HM cầu, cống, cọc tiêu, biển báo trên đường ĐX.02, xã An Hóa, huyện Châu Thành</i>		4	4		
	<i>Đường ĐX.03 (điểm đầu giáp ĐX.01 điểm cuối giáp ĐHK.13) xã An Hóa, huyện Châu Thành</i>		31	31		
	<i>HM Cầu, cống. Cọc tiêu, biển báo trên đường ĐX.01 xã Sơn Hòa, huyện Châu Thành</i>		7	7		
	<i>HM Cầu, cống. Cọc tiêu, biển báo trên đường ĐX.01 xã Tiên Long, huyện Châu Thành</i>		2	2		



STT	Tên dự án, công trình	Kế hoạch năm 2023	Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch năm 2023			Lý do điều chỉnh tăng (giảm)
			Tổng cộng	Trong đó		
				Điều chỉnh tăng vốn	Điều chỉnh giảm vốn	
1	2	3	4	5	6	7
	HM cầu, cống, cọc tiêu, biển báo trên đường ĐX.05 (đoạn 1 từ cống chào áp Phước Trạch đến Huỳnh tấn Phát, đoạn 2 từ nhà ông Nguyễn Hữu Đức đến ngã 3 cây Mít áp Phú Thạnh) - giai đoạn 2, xã Phước Thạnh, huyện Châu Thành		5	5		
	HM Cầu, cống. Cọc tiêu, biển báo trên đường ĐX.02 xã Phú An Hòa, huyện Châu Thành		4	4		
	HM cầu, cống, cọc tiêu, biển báo trên đường ĐX.05 (từ QL.57B đến giáp đường ĐX.04), xã Giao Long; HM biển báo trên ĐX.06 đường liên xã Phú Đức - Phú Túc từ cầu Phú Long đến giáp cầu Miếu Trắng), xã Phú Đức, huyện Châu Thành		6	6		
	Trường Tiểu học Hương Mỹ 2, huyện Mô Cày Nam.		1.704	1.704		
	Nâng cấp mặt đường ĐX.02 (đoạn từ ĐX.01 đến ranh xã Minh Đức), xã Tân Trung, huyện Mô Cày Nam		9	9		
	Đường ĐX.10 (đường tránh trung tâm xã: đoạn từ Cống Môn - ngã 3 nạn thung) xã An Thới, huyện Mô Cày Nam		30	30		
	Nâng cấp mặt đường ĐX.01 (đường vào trung tâm xã), đoạn từ QL.57 đến giáp đường ĐX.02, xã Tân Trung		38	38		



STT	Tên dự án, công trình	Kế hoạch năm 2023	Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch năm 2023			Lý do điều chỉnh tăng (giảm)
			Tổng cộng	Trong đó		
				Điều chỉnh tăng vốn	Điều chỉnh giảm vốn	
1	2	3	4	5	6	7
	Nâng cấp mở rộng đường ĐX.04 (đường liên xã An Thới - An Thạnh, đoạn từ Ngã 3 nạn thun - An Thạnh) xã An Thới, huyện Mỏ Cày Nam		21	21		
	Nhà ở sỹ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân viên quốc phòng tại ngũ, BCH		49	49		
3	Dự án phát triển chuỗi giá trị nông nghiệp thông minh thích ứng biến đổi khí hậu tại tỉnh Bến Tre		7.000	7.000		Bổ sung vốn đối ứng thực hiện dự án ODA
4	Mở rộng bãi rác An Hiệp, huyện Ba Tri		3.000	3.000		Bổ sung vốn để thực hiện dự án
5	Xây dựng 18 trụ sở công an xã trên địa bàn tỉnh Bến Tre		15.000	15.000		Bổ sung vốn để thực hiện dự án
6	Hệ thống thủy lợi Nam Bến Tre		6.900	6.900		Thanh toán khối lượng hoàn thành
7	Nâng cấp, mở rộng công viên Trần Văn On	3.000	5.430	2.430		Thanh toán khối lượng hoàn thành
8	Xây dựng CSHT Khu Tái định cư Khu Công nghiệp Phú Thuận	60.400	66.693	6.293		Bổ sung vốn để thực hiện dự án
9	Đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ kêu gọi đầu tư huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre (giai đoạn 2)		11.623	11.623		